Trường TH& THCS Hiền Hào

Tổ: THCS

GV: Hà Quang Ái

**Bài 6. CHÂN DUNG CUỘC SỐNG**

Môn: Ngữ văn 8

(Thời lượng: 12 tiết)

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học.

- Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng hiệu quả.

**-** Bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dân ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

**-** Giới thiệu ngắn về một cuốn sách, một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**2. Về năng lực**

- Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

- Nhận biết được đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng hiệu quả.

**-** Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dân ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

**-** Biết trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách.

**3. Về phẩm chất**

Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, Giáo án.

- Chuẩn bị phương tiện:

+ Phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập

+ Máy tính, máy chiếu (nếu có)….

+ Tranh ảnh, video liên quan đến bài học

**2. Học sinh**

- Đọc trước bài học trong SGK.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong sgk

- Sưu tầm tư liệu liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a/ Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b/ Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm về nghệ thuật để trả lời câu hỏi.

**c/ Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d/ Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | Sản phẩm cần đạt |
| GV yêu cầu HS: Nêu tên một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim có nội dung nói về sự đồng cảm, gắn bó giữa con người và thế giới tự nhiên (loài vật, cây cỏ, vũ trụ,...). Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận về tác phẩm văn học hoặc bộ phim đó. | HS nêu tên tác phẩm văn học hoặc bộ phim và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận. | – HS nêu được tên một tác phẩm văn học hoặc bộ phim có nội dung nói về sự đồng cảm, gắn bó giữa con người và thế giới tự nhiên.  – HS chia sẻ được cảm nhận của mình.  – Lưu ý: Ở lớp 6, 7, HS đã được học một số tác phẩm có chủ đề như vậy như: *Con chào mào* (Mai Văn Phấn), *Bầy chim chìa vôi* (Nguyễn Quang Thiều), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần), *Ngàn sao làm việc* (Võ Quảng),… |

**HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ TRI THỨC**

**Tiết 73,74,75: - GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**- VĂN BẢN 1: Mắt sói ( Đa-ni-en Pen-nắc)**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề của bài học.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu giới thiệu bài học

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh *quan sát SGK và cho biết:*  *+ Tên bài, đề từ của văn bản hướng chủ đề nào? Qua đó em hiểu gì về chủ đề?*  *+ Chủ đề được thể hiện qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Giới thiệu bài học**  - Chủ đề bài học: bức chân dung cuộc sống đa màu, đẹp đẽ và hấp dẫn.  - Ngữ liệu:  + Mắt sói ( Đa-ni-en Pen-nắc)  + Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long).  + Bếp lửa ( Bằng Việt)  - Thể loại VB đọc chính: Truyện |

**Hoạt động 2: Tri thức Ngữ văn**

**a.Mục tiêu:** Nhận biết và chỉ ra được đặc điểm cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *hoàn thành bảng kiếm theo mẫu.*   |  |  | | --- | --- | | **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** | | **1.Cốt truyện đơn tuyến** |  | | **2. Cốt truyện đa tuyến** |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Tri thức Ngữ văn**  **1. Cốt truyện đơn tuyến**  **-** Chỉ có một mạch sự kiện  - Sự kiện đơn giản  **2. Cốt truyện đa tuyến**  - Tồn tại ít nhất hai mạch sự kiện.  - Hệ thống sự kiện phức tạp, chồng chéo gắn với số phận các nhân vật chính |

**Hoạt động 3: Văn bản: MẮT SÓI ( Đa-ni-en Pen-nắc)**

**1. Mục tiêu**:

– HS nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– HS nhận biết và phân tích được cốt truyện đa tuyến trong VB *Mắt sói*.

– HS nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm.

**2. Nội dung**: HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**4. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu**: HS trình bày được thông tin về tác giả, tác phẩm  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **NV1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV kiểm tra việc hs chuẩn bị đọc và tóm tắt trtrước khi đến lớp.Gv hướng dẫn hs : khi đọc truyện đa tuyến cần tóm tắt được các tuyến sự kiện; tìm hiểu nhân vật, chi tiết tiêu biểu; tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện; tìm chủ đề của truyện;…   * GV hướng dẫn cách đọc và sử dụng chiến lược theo dõi * Gv hỏi một số cước chú khó ở chân trang   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv gọi hs đọc một vài đoạn.  - Hs theo dõi, đọc tiếp và nhận xét  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Chia sẻ, góp ý về cách đọc  **B4: Kết luận, nhận định**  Gv chia sẻ cách đọc với hs.  Đánh giá, khuyến khích hs  **NV2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS trình bày dự án về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu cụ thể của giáo viên:   1. **Giới thiệu về tác giả: q**uốc tịch, đặc trưng sáng tác, tác phẩm nổi tiếng 2. **Khái quát về văn bản:**  |  |  | | --- | --- | | Thể loại |  | | Nhân vật |  | | Cốt truyện |  | | Tóm tắt cốt truyện |  | | Phương thức biểu đạt |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS chuẩn bị câu trả lời và chia sẻ dự án của mình  **3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày dự án, hs khác nhận xét và bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** nhận xét, bổ sung  **GV**: Nhận xét thái độ làm việc và câu trả lời của hs | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc**  **2. Tác giả**  – Đa-ni-en Pen-nắc sinh năm 1944, là nhà văn lớn người Pháp.  – Ông thành công với nhiều thể loại: tiểu luận, tự truyện, tiểu thuyết, truyện tranh, kịch bản phim,…  **3. Tác phẩm**  - **Mắt sói** là tác phẩm nổi tiếng của Đa-ni-en Pen-nắc .  - **Thể loại:** tiểu thuyết.  - **Phương thực biểu đạt chính:** tự sự  **- Tìm hiểu cốt truyện, tóm tắt VB**  **a. Sơ đồ cốt truyện**  - Chương 1: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam và Phi Châu; thời gian: hiện tại; không gian: vườn bách thú; nội dung câu chuyện: cuộc gặp gỡ kì lạ giữa cậu bé tên là Phi Châu và Sói Lam.  - Chương 2: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam; thời gian: quá khứ; không gian: Bắc Cực; nội dung câu chuyện: những cuộc trốn chạy các toán đi săn của gia đình nhà sói.  – Chương 3: Mạch truyện về nhân vật Phi Châu; thời gian: quá khứ; không gian: châu Phi; nội dung câu chuyện: hành trình của cậu bé Phi Châu.  – Chương 4: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam và Phi Châu; thời gian: hiện tại; không gian: vườn bách thú; nội dung câu chuyện: Sói Lam và Phi Châu làm bạn.  🡪 Tác phẩm có kiểu cốt truyện truyện lồng truyện.  **b. Tóm tắt VB trong SGK**  – Chương 2: Phi Châu nhìn sâu vào mắt Sói Lam và câu chuyện hiện lên trong mắt sói là hồi ức về gia đình nhà sói, việc Sói Lam cứu em gái Ánh Vàng.  – Chương 3: Sói Lam nhìn sâu vào mắt Phi Châu với sự đồng cảm, thấu hiểu sâu sắc. Câu chuyện hiện lên trong mắt người là tình bạn giữa Phi Châu với lạc đà Hàng Xén và Báo. |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| **1. Nhân vật Sói Lam** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh nhận biết và phân tích hình ảnh của Sói Lam với câu chuyện thật xúc động về sự dũng cảm, yêu thương đồng loại  **Nội dung**: **GV** yêu cầu hs chia sẻ cặp đôi, thuyết trình  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp thành các cặp đôi cặp ba theo bàn để thực hiện các câu hỏi trong phiếu học tập sau trong vòng 10 phút:   1. **Đánh dấu văn bản và tìm hiểu về hình ảnh mắt sói, nhân vật Sói Lam theo gợi dẫn.**  |  |  | | --- | --- | | Một con mắt màu vàng, tròn xoe, chính giữa có một con ngươi màu đen. Một con mắt không chớp bao giờ. Hệt như cậu bé đang nhìn một ngọn đèn trong đêm; cậu chẳng thấy gì ngoài con mắt này: cây cối, vườn thú, khu chuồng, mọi thứ đã biến mất. Chỉ còn lại một điều duy nhất: mắt sói. Con mắt càng lúc như càng to hơn, tròn hơn, như một tuần trăng úa trên bầu trời trống trải, và chính giữa, một con ngươi như càng đen hơn, và trong quầng vàng nâu quanh con ngươi, người ta thấy xuất hiện những điểm màu khác nhau, chỗ này màu lam (xanh như nước đóng băng dưới bầu trời), chỗ kia là một tia ánh vàng, lấp lánh như trang kim .  Nhưng điểm quan trọng nhất chính là con ngươi. Con ngươi màu đen!  – Mi đã muốn nhìn ta thì nhìn đi!  Dường như con ngươi muốn nói. Nó lóe lên một tia sáng khủng khiếp. Hệt một ngọn lửa. “Đúng rồi, cậu bé nghĩ: ngọn hắc hỏa!”  Và cậu trả lời:  – Được rồi, Hắc Hỏa, ta nhìn đây. Ta không sợ đâu. | . Đánh dấu vào các từ ngữ miêu tả mắt sói.  b. Trong cái nhìn của cậu bé, mắt sói được so sánh với những hình ảnh nào?            c. Phi Châu cảm nhận thấy điều gì trong mắt sói?    d. Điều gì khiến Phi Châu có thể cảm nhận về mắt sói như vậy? |  1. **Đọc phần (2) chương 2 và hình dung cảnh Sói Lam cứu Ánh Vàng. Dùng ngôn ngữ để miêu tả sự việc này theo hình dung của em.**   Qua hành động Sói Lam cứu Ánh Vàng, em hãy nhận xét về tính cách nhân vật Sói Lam.  Thực hiện nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: lắng nghe yêu cầu và thực hiện yêu cầu của GV  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm sau khi được các nhóm bổ sung hoàn thiện.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của các nhóm HS.  - Chốt kiến thức | **a. Hình ảnh mắt sói**  - Chi tiết: con mắt màu vàng, tròn xoe, chính giữa có một con ngươi màu đen, con mắt không chớp bao giờ, con ngươi màu đen, con ngươi có sự sống,…  - So sánh, liên tưởng: như ngọn đèn trong đêm, như tuần trăng úa trên bầu trời trống trải,…  🡪 Cảm nhận được trong mắt sói chất chứa nỗi buồn thẳm sâu, sự u uất, cô đơn.  **b. Câu chuyện Sói Lam cứu Ánh Vàng**  - Các chi tiết trong VB: *Sói Lam tung người bay trên làn không khí bỏng rát*, *dùng răng cắn đứt sợi dây*, *hét: “Chạy đi, Ánh Vàng…”*;  *Sói Lam ngã xuống, ngã xuống, cứ xoay tròn và rơi mãi trong màn đêm đầy tia lửa*,…  🡪 Qua những hành động đó, có thể thấy Sói Lam vô cùng dũng cảm, nhanh nhẹn, thông minh, mạnh mẽ, quyết đoán, sẵn sàng hi sinh vì em. |
| **2. Nhân vật Phi Châu.** | |
| **Mục tiêu**: HS chỉ ra và phân tích được vẻ đẹp của nhân vật Phi Châu và nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  **Nội dung**: GV sử dụng kĩ thuật chia sẻ nhóm cặp đôi và trình bày một phút để hoàn thành nhiệm vụ giáo viên giao cho  HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Chia lớp thành các cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập:  **1. Đánh dấu văn bản và tìm hiểu về hình ảnh mắt người theo gợi dẫn.**   |  |  | | --- | --- | | Và đến lượt con mắt của của cậu bé chuyển động. Như một ánh sáng vụt tắt. Hoặc cảm giác như một đường hầm bị sập dưới lòng đất. Phải rồi, một đường hầm giống như một cái hang cáo mà Sói Lam từng chui vào. Càng vào sâu thì càng mờ mịt. Chẳng mấy chốc thì tối om, không còn giọt nắng nào. Ngay tới đầu ngón chân mình Sói Lam cũng không nhìn thấy. Không biết nó chìm trong con mắt của cậu bé như thế ba lâu rồi nhỉ? Thật khó nói. Nhiều phút trôi qua tưởng chừng như hàng năm trời. Mãi tới lúc, một giọng nói nhỏ cất lên từ sâu trong bóng đêm:  “Đây rồi, Sói Lam ơi, đây là nơi có kỉ niệm đầu tiên của ta đó!” | a. Đánh dấu vào các từ ngữ miêu tả mắt người.  b. Sói Lam cảm nhận thấy điều gì trong mắt Phi Châu?        c. Điều gì khiến Sói Lam có thể cảm nhận về mắt Phi Châu như vậy?      d. Câu cuối của đoạn trích cho thấy câu chuyện của Sói Lam dường như được kể theo vị trí của nhân vật nào? |   **2.Tìm hiểu về nhân vật Phi Châu theo gợi dẫn.**   |  | | --- | | 2.1. Hành động, thái độ của Phi Châu với lạc đà Hàng Xén:    2.2. Suy nghĩ của Phi Châu về sư tử:  2.3. Điền từ ngữ phù hợp để hoàn thành các lời nói sau của nhân vật Phi Châu với Báo.  - Báo này, đừng có bì như rắn thế, tôi  - Thấy chưa, Phi Châu nói, tôi cần  - Anh là  - Báo này, anh cần | | 2.4. Nêu cảm nhận của em về nhân vật Phi Châu:    2.5. Phát biểu bằng lời: Qua câu chuyện của Sói Lam và cậu bé Phi Châu , tác giả muốn ca ngợi hay phê phán điều gì? |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK suy nghĩ cá nhân, hoạt động cặp đôi để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: trình bày sản phẩm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Từ phân tích trên gv yêu cầu hs trình bày 1 phút cho câu hỏi:  + Xác định ngôi kể trong từng chương; vị trí người kể dựa vào để quan sát, kể lại các sự kiện.  + Nhận xét về vai trò của hình ảnh mắt sói, mắt người trong việc tổ chức các sự kiện của cốt truyện.  Gv yêu cầu hs trình bày- hs nghe và nhân xét  Gv kết luận: Câu chuyện trong VB được kể theo ngôi thứ ba nhưng có sự thay đổi điểm nhìn:  + Ở chương 2, câu chuyện được kể từ điểm nhìn của nhân vật Sói Lam.  + Ở chương 3, câu chuyện lại được kể từ điểm nhìn của nhân vật Phi Châu.  Hình ảnh mắt sói, mắt người giúp kết nối và chuyển mạch truyện. | **a. Hình ảnh mắt người**  - HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận. Các chi tiết miêu tả mắt người: con mắt như một ánh sáng vụt tắt, như một đường hầm bị sập dưới lòng đất,mờ mịt, tối om, không còn giọt nắng nào,…  🡪 Mắt người ám ảnh nỗi buồn đau, mất mát, sự cô đơn, tuyệt vọng.  🡪 Những chi tiết này cho thấy mối đồng cảm sâu sắc, sự thấu hiểu của sói với nỗi buồn đau của cậu bé Phi Châu.  **b. Câu chuyện của Phi Châu và những người bạn.**  – Với lạc đà Hàng Xén: Phi Châu “mất hàng giờ” để tìm lạc đà Hàng Xén  – Với sư tử: Đàn cừu và dê không có kẻ thù. Nếu thi thoảng có sư tử hay báo ăn thịt một con dê cái thì chỉ vì nó đói  – Với Báo: Chi tiết Phi Châu kết bạn với Báo bằng tâm hồn tinh tế, sự thấu cảm sâu sắc.  🡪 Phi Châu là một cậu bé có tâm hồn trong sáng, sâu sắc, tinh tế, có tấm lòng nhân hậu, trân trọng tình bạn, yêu thương loài vật, tôn trọng thiên nhiên. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh trình bày được nội dung, nghệ thuật của văn bản  **Nội dung**:  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và nhóm bàn để khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS HĐ cá nhân và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  – Nêu một vài nét nghệ thuật đặc sắc của truyện *Mắt sói*?  – Nêu ý nghĩa của truyện *Mắt sói*  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm | 1. Nghệ thuật  + Cốt truyện đa tuyến với kiểu truyện lồng truyện.  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo.  + Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc.  2. Nội dung- Ý nghĩa:  + Ca ngợi vẻ đẹp của sự đồng cảm, thấu hiểu giữa muôn loài trên thế giới.  + Ca ngợi tình anh em, tình bạn giữa con người và loài vật  + Đau đớn, xót xa trước sự tham lam, vô cảm, trước hành động tàn phá thế giới tự nhiên của con người. |

**3. HĐ3: Luyện tập ( VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC )**

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Nội dung: HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

3. Sản phẩm: Câu trả lời, đoạn văn của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | Sản phẩm cần đạt |
| GV yêu cầu HS thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ gợi ý sau:  - Nêu cách đọc một tác phẩm truyện có cốt truyện đa tuyến.  - Trả lời câu hỏi trắc nghiệm (cốt truyện đa tuyến, nhân vật, sự kiện, chi tiết... theo yêu cầu cần đạt của bài học).  - Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản,...  – Thực hiện bài tập viết kết nối với đọc trong SGK. | – HS trả lời câu hỏi.  – HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn | – Cách đọc truyện đa tuyến: xác định các mạch nhân vật, sự kiện trong tác phẩm; tìm hiểu nhân vật, chi tiết tiêu biểu; tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện của nhà văn; khám phá thông điệp của tác phẩm;...  – Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: nội dung kể lại sự kiện Phi Châu và Báo đã trở thành đôi bạn thân thiết; câu chuyện được kể lại bằng lời nhân vật Báo; đúng chính tả và diễn đạt; dung lượng đoạn văn 7– 9 câu. |

**Hoạt động 4. Vận dụng**

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: HS vẽ tranh theo cảm nhận và hình dung của mình.

3. Sản phẩm: Câu trả lời, tranh vẽ của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | Sản phẩm cần đạt |
| GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:  – Nêu cảm nhận của em về một bức tranh minh họa mà em thích trong VB.  – Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong VB *Mắt sói* mà em ấn tượng (thực hiện ở nhà). | HS trả lời câu hỏi.  – HS vẽ tranh. | HS nêu cảm nhận về một bức tranh minh họa trong VB.  – Tranh vẽ của HS. |

**Tiết 76: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm của trợ từ

- Tác dụng của trợ từ và sử dụng chúng trong hoạt động giao tiếp

**2. Năng lực**

- Nhận biết được trợ từ trong câu.

- Lý giải và phân tích được tác dụng của trợ từ.

* Vận dụng sử dụng trợ từ trong các hoạt động giao tiếp.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của HS:**

SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV đưa ra yêu cầu: So sánh 2 câu nói sau:

1. Tối qua, tôi ăn những ba bát cơm.
2. Tối qua, tôi ăn ba bát cơm.

- Hs trả lời cá nhân, nhận xét, lý giải.

Hai câu đều thông báo “tôi” ăn ba bát cơm. Nhưng câu (2) có thêm từ “những” đã nhấn mạnh việc ăn ba bát cơm là nhiều so với bình thường.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *những từ mà thêm vào trước số từ ấy đều có một tác dụng nhất định và người ta gọi là số từ. Để tìm hiểu kĩ đặc điểm cũng như tác dụng của những trợ từ chúng ta chuyển sang bài mới.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Hiểu được đặc điểm, tác dụng của trợ từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS căn cứ vào phần tìm hiểu ở nhà trong hộp màu vàng phía phải trang 14/ sgk, đọc 2 ví dụ trả lời câu hỏi:  a, **Ngay** lần đầu gặp gỡ, tôi và thằng Lai-ca đã sung sướng nhìn nhau như thể nhìn vào gương. ( Nguyễn Nhật Ánh, Tôi là Bê-tô)  b, **Chỉ** sau dăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ. ( Nguyễn Quang Thiều, Bầy chim chìa vôi)  Những từ in đậm có tác dụng gì? Từ đó hãy nêu tác dụng của trợ từ? Tìm một số trợ từ và đặt câu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc yêu cầu và hoàn thiện  **GV:**  **-** Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập  - Hướng dẫn HS cách trả lời (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức, gv chú ý hs phân biệt không để lẫn trợ từ với các từ loại khác như động từ, danh từ… | **I/ Nhận biết trợ từ**  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ nó đi kèm. Ví dụ: cả, ngay, chính…  + Biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ nó đi kèm. Ví dụ: những, chỉ, có…  - Đặt câu:  + *Chính* thầy hiệu trưởng tặng tôi cuốn sách này.  + Tôi ăn *có* hai bát cơm |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. Trả lời nhanh bài tập 1(Kĩ thuật tia chớp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK,Trả lời nhanh.  - GV gọi hs xung phong  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. Thảo luận nhóm theo bàn trả lời trong vòng 7 phút.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK,thảo luận trả lời  - GV hỗ trợ hs  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trả lời.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Gv cho hs làm việc theo nhóm cặp đôi làm trong vòng 4 phút rồi chuyển cho nhóm liền kề nhận xét bổ sung trong vòng 3 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK,thảo luận trả lời  - GV hỗ trợ hs  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm báo cáo sau khi đã hoàn thành.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại | **II. LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1 SGK/14.**   1. Trợ từ *chính có* tác dụng nhấn mạnh đích xác điểm quan trọng nhất, tập trung sự chú ý của Phi Châu khi nhìn vào mắt sói là con ngươi chứ không phải cái gì khác. 2. Trợ từ *chỉ có* tác dụng nhấn mạnh phạm vi được hạn định, biểu thị thái độ đánh giá của Sói Lam vẽ cách thức cứu Ánh Vàng: đó là cách duy nhất để cứu Ánh Vàng thoát khỏi toán thợ săn mà không còn cách nào khác nữa. 3. Trợ từ *ngay có* tác dụng nhấn mạnh ý sự vật ở rất gần là “đầu ngón chần” của mình mà Sói Lam cũng không nhìn thấy khi nó cảm nhận sự tối tăm như một đường hầm bị sập dưới lòng đất trong con mắt của cậu bé Phi chầu.   **Bài tập 2 SGK/14.**   1. *những điểu mới mẻ: những* là phó từ chỉ lượng; *những tám quyển truyện: những* là trợ từ có ý nhấn mạnh, đánh giá việc “nó” mua tám quyển truyện là nhiều, vượt quá mức bình thường. 2. *đoán ngay chuyện gì đã xảy ra: ngay* là phó từ chỉ sự không chậm trễ của hành động *đoán', ngay cạnh trường: ngay* là trợ từ biểu thị ý nhẩn mạnh khoảng cách rất gần giữa vị trí của sự vật được nói đến *(nhà tôi)* so với địa điểm được lấy làm mốc *(trường).* 3. *bán đến hàng nghìn con lạc đà: đến* là trợ từ biểu thị ý nhẩn mạnh, đánh giá việc bán hàng nghìn con lạc đà là rất nhiều; *sắp đến rồi: đến* là động từ thể hiện một cái gì đó *(mùa đông)* xuất hiện hay (đi) tới.   **Bài tập 3 SGK/14,15.**  Trong đoạn trích của VB *Mắt sói, trợ* từ *cả* được lặp lại nhiểu lần (3 lần). Trợ từ *cả* biểu thị ý nhấn mạnh vẽ phạm vi không hạn chế của sự vật. Phi châu tìm lạc đà Hàng Xén hàng giờ. Cậu đã hỏi thăm những người qua đường, những đứa trẻ, những con lạc đà, những người mua lạc đà. Cậu đã hỏi tất cả các đối tượng có thể hỏi để tìm bạn, đến mức Vua Dê nổi cáu: “Này, Phi châu, không phải mày ở đây để tìm con lạc đà nhé,...” Qua đó, ta thấy được tâm hồn trong sáng, tình cảm yêu thương, sự gắn bó sâu nặng của Phi chầu với lạc đà Hàng Xén - người bạn đầu tiên thần thiết của mình. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng trợ từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu hs thảo luận nhóm lớn trong vòng 10 phút rồi trả lời câu hỏi số 4.

**Yêu cầu:** Viết đoạn văn ( khoảng 5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về một nhân vật, sự kiện hoặc chi tiết mà em ấn tượng nhất trong văn bản *Mắt sói,* đoạn văn có sử dụng ít nhất một trợ từ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài tập,thảo luận trả lời

- GV hỗ trợ hs:

+ Hình thức: đoạn văn từ 5-7 câu, có trợ từ

+ Nội dung: bày tỏ cảm xúc trước một nhân vật…

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Các nhóm báo cáo sau khi đã hoàn thành.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Đáp án dự kiến:

(10 Phi Châu đã chăn cừu cho Vua Dê được tròn hai năm và đó là một điều khá bất ngờ và ngạc nhiên vì không ngờ lại được lâu như vậy.(2) Cậu bé là một người chăn cừu tốt. (3) Cậu bé chăn cừu bằng hết tấm lòng của mình, hiểu rõ về đàn cừu, hiểu **cả** những nguy hiểm rình rập đàn cừu nào là sư tử hay báo rình ăn thịt, cậu đã tính toán được cả vừa đưa ra những ý tưởng cho Vua Dê. (4) Phi Châu là cậu bé ngoan ngoãn, tốt bụng, yêu động vật, hiểu được chúng, Phi Châu đã có màn trò chuyện với Báo hết sức đặc biệt, Báo rất háo hức nên đã lắng nghe cậu bé.(5) Cậu bé đã hết lòng khen ngợi Báo là một tay săn tuyệt vời. (6) Báo và Phi Châu đã trò chuyện như hai người bạn ngồi nói rõ chuyện chăn cừu, Phi Châu đã đưa ra lời đề nghị với Báo để trở thành những người bạn thân thiết, cùng nhau chăn cừu và hai nhân vật đã thành những người bạn thân thiết, không thể tách rời nhau.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại

**HOẠT ĐỘNG GIAO VỀ NHÀ**

- Tìm thêm những đoạn trích trong truyện ngắn hay thơ có trợ từ và nêu tác dụng.

- Chuẩn bị đọc và trả lời câu hỏi văn bản đọc số 2 “Lặng lẽ Sa Pa”.

- Chuẩn bị sơ đồ tư duy giới thiệu về tác giả, văn bản, trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau đọc văn bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tác giả** | | **Tác phẩm** |
| - Quê quán  - Đặc điểm thơ văn.  - Sáng tác tiêu biểu | | - Hoàn cảnh sáng tác  - PTBĐ  - Đề tài  - Bố cục, tóm tắt và nêu nhận xét kiểu cốt truyện.  - Nhân vật và nhân vật chính |
| **Tiết 77,78 VĂN BẢN 2** | |
| ***LẶNG LẼ SA PA*** | |
| ***(****Nguyễn Thành Long****)*** | |

**I. MỤC TIÊU.**

***1. Kiến thức:***

- Các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm

- Cốt truyện đơn tuyến trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa.*

- Những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa.*

***2. Năng lực***

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm (đề tài vể những người lao động đảm nhận công việc thầm lặng; câu chuyện về anh thanh niên làm việc ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn; các chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm *Lặng ỉẽ Sa Pa).*

- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa.*

- Vận dụng để liên hệ và lý giải được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa.*

***3. Phẩm chất***

* Bồi dưỡng lòng biết ơn những người lao động thầm lặng và thấm thía ý nghĩa của công việc lao động thầm lặng.
* Có trách nhiệm với quê hương, biết sống cống hiến.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Tham khảo tư liệu, xây dựng kế hoạch bài dạy, chuẩn bị phiếu học tập chuẩn bị chân dung tác giả, máy tính, máy chiếu, tranh ảnh Sa Pa

1. **Chuẩn bị của học sinh:** : Đọc kĩ văn bản " Lặng lẽ Sa Pa": tác giả, thể loại, cốt truyện, PTBĐ, bố cục.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động.**

**a.  Mục tiêu:**:

   - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

   - Kích thích HS tìm hiểu về mảnh đất và con người miền Tây Bắc của tổ Quốc trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa qua trang văn đầy chất thơ của Nguyễn Thành Long.

**b. Nội dung:** HS theo dõi tranh và thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS suy nghĩ trả lời.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* **GV** yêu cầu HS

Nêu suy nghĩ của em về những người đnag sống ở nơi xa xôi, hẻo lánh và làm các công việc vất vả âm thầm.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 3 phút

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, chia sẻ, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**GV dẫn dắt:**

Những con người làm việc ở nơi xa xôi như hải đảo, biên cương hay vùng núi hẻo lánh. Làm các công việc canh giữ biên cương, giữ yên quốc phòng an ninh hay là đem ánh sáng văn hóa tới khắp nơi nơi…Họ đều thật sự đnags quý và đnags khâm phục. Và hôm nay cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu một chân dung cuộc sống- chân dung của những con người lao động miệt mài và cống hiến hết mình cho quê hương ở miền cực Bắc của tổ Quốc thân yêu. Chính họ đã truyền cho chúng ta thêm tình yêu và lòng nhiệt huyết, ý sống hiến dâng. Để ta hiểu đằng sau những dinh thự cũ kĩ nơi Sa Pa thơ mộng, lặng lẽ có những trái tim đnag đập hết mình, làm việc sôi nổi vì quê hương đất nước thân yêu.

**2. Hoạt động 2:** **Hình thành kiến thức mới**.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu**: HS trình bày được thông tin về tác giả, tác phẩm  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **NV1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV kiểm tra việc HS chuẩn bị sơ đồ tư duy giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước khi đến lớp.   * GV đọc mẫu yêu cầu hs theo dõi đọc tiếp một vài đoạn và chú ý các chiến lược: theo dõi, hình dung và suy luận . Gv gọi hs trả lời các từ ngữ khó : khí tượng, họa sĩ, nghệ sĩ…   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv gọi hs đọc khám phá chung  - Hs theo dõi, đọc tiếp và nhận xét  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Chia sẻ, góp ý về cách đọc.  - Hs giải thích dựa theo phần chú thích ở chân trang.  **B4: Kết luận, nhận định**  Gv chia sẻ cách đọc với hs.  Đánh giá, khuyến khích hs  **NV2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia 4 nhóm lớn thực hiện phần chuẩn bị ở nhà để báo cáo trên lớp theo các yeu cầu cụ thể ở bảng phân công nhiệm vụ trước khi đến lớp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi cử đại diện các nhóm báo cáo  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại điện nhóm báo cáo, nhóm khác góp ý  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** nhận xét, bổ sung  **GV**: Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc**  **2. Tác giả**  - Nguyễn Thành Long (1925-1991), quê ở Quảng Nam, là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí  - Sáng tác của ông thể hiện niềm tin yêu và sự gắn bó thiết tha với đất nước, con người. Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long có lối viết nhẹ nhàng, giàu chất thơ, trong sáng  **3. Tác phẩm**  - Hoàn cảnh sáng tác: Lặng lẽ Sa Pa được Nguyễn Thành Long sáng tác sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai năm 1970. Truyện được in lần đầu trong tập Giữa trong xanh  - Thể loại : truyện ngắn  - Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận.  - Bố cục: 3 phần  + Đoạn 1: Từ đầu…đến…”Kìa, anh ta kia”: Anh thanh niên qua lời giới thiệu của bác lái xe.  + Đoạn 2: Tiếp…đến…”không có vật gì như thế”: Cuộc gặp gỡ, trò chuyện giữa anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư.  + Đoạn 3: Còn lại: Cuộc chia tay cảm động.  - Cốt truyện: có cốt truyện đơn tuyến. Cốt truyện rất đơn giản xoay quanh tình huống gặp gỡ bất ngờ giữa ông hoạ sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm việc ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.  - Nhân vật: anh thanh niên (chính) và các nhân vật: ông họa sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe và nhân vật xuất hiện gián tiếp( ông kĩ sư, anh cán bộ khoa học) |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| **1. Vẻ đẹp của con người.** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của con người đặc biệt là của nhân vật anh thanh niên từ đó chúng ta thấy mình cần yêu lao động, trân trognj cuộc sống và biết sống cống hiến. Thấy được nghệ thuật xây dựng nhân vật thông qua chính lời nói, việc làm, suy nghĩ của nhân vật và qua các lăng kính của các nhân vật khác, xây dựng nhân vật thông qua cách đặt tên đặc biệt.  **Nội dung**: **GV** sử dụng kĩ thuật chia sẻ cặp đôi, giải quyết vấn đề để tìm hiểu về các nhân vật.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu và trình bày sản phẩm. | |
| **NV1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp thành 4 nhóm để hoàn thành nhiệm vụ trong phiếu học tập về anh thanh niên trong thời gian 10 phút:   |  |  | | --- | --- | | *Câu hỏi* | *Trả lời* | | *Hoàn cảnh sống của anh thanh niên* |  | | *Chi tiết miêu tả ngoại hình* |  | | *Kể về công việc và suy nghĩ của anh về nghề nghiêp* |  | | *Lời nói, hành động với ông họa sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe* |  | | *Ngoài công việc chính anh còn làm gì* |  |   *- Từ những chi tiết trên em có nhận xét gì về tính cách, phẩm chất của nhân vật. Anh con được miêu tả qua cảm nhận và suy nghĩ của nhân vật nào nữa? Cách xây dựng nhân vật như vậy có tác dụng gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Quan sát chi tiết trong SGK; suy nghĩ, chia sẻ nhóm cặp đôi để trả lời các câu hỏi  **GV:** hỗ trợ kịp thời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một cặp đôi trình bày sản phẩm.  - HS các cặp còn lại theo dõi, nhận xét bổ sung và nhận xét chéo cho nhóm bạn (nếu thấy chưa cùng ý kiến hay câu trả lời của nhóm trình bày còn thiếu xót).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng  Gv : Dù chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, tình tiết diễn biến cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhưng tác giả đã phác hoạ được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm và cách sống, những suy nghĩ về cuộc sống về ý nghĩa công việc thật đúng đắn sâu sắc, cảm động. Anh thanh niên là một chàng trai có lối sống giản dị, ngăn nắp. Anh yêu công việc và rất có trách nhiệm với những gì mình làm. Tinh tế khi trò chuyện và lắng nghe người khác, có hành động quan tâm tới từng người mà mình có cơ hội gặp gỡ.  **NV2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Gv yêu cầu hs trả lời nhanh ( tia chớp) theo phần đã chuẩn bị trước ở nhà câu hỏi:  ? Tìm những chi tiết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của ông họa sĩ vê con người và nghệ thuật? Qua những cảm xúc và suy nghĩ của ông họa sĩ về con người và nghệ thuật em thấy ông họa sĩ có phẩm chất gì? Từ đó em hãy nêu vai trò của nhân vật này trong tác phẩm?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Quan sát vào câu trả lời đã thực hiện ở nhà để trả lời.  **GV:** hỗ trợ kịp thời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện xung phong trình bày sản phẩm.  - HS còn lại đóng góp ý kiến bổ sung haowcj chỉnh sửa.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  Chúng ta không chỉ xúc động trước hình ảnh của một anh thanh niên, một ông họa sĩ mà còn có một cô kĩ sư trẻ sẵn sàng hòa mình vào núi rừng Tây Bắc để làm việc. Một bác lái xe mấy chục năm gắn bó với nghề. Và một tập thể người nơi Sa Pa không tên tuổi: ông kĩ sư vườn rau, anh cán bộ khoa học.. họ vẫn ngày đêm hi sinh cả tuổi xuân để làm tròn trách nhiệm với quê hương. | **a/ Hình ảnh anh thanh niên**  \* Nhân vật này được nhà văn miêu tả qua những chi tiết như:  - Chi tiết về độ tuổi và ngoại hình: hai mươi bảy tuổi, tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ,...  - Hoàn cảnh sống: sống một mình trên đỉnh núi, bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo; căn nhà ba gian rất gọn gàng, ngăn nắp; có niềm vui đọc sách,...  - Công việc: làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét: đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu; gian khổ nhất là làm việc lúc một giờ sáng: “gió tuyết và lặng im bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”,... -> đòi hỏi phải tỉ mỉ , chính xác, có tinh thần trách nhiệm cao.  - Suy nghĩ của anh về công việc: Anh ý thức được công việc của mình, anh có lòng yêu nghề, thấy được công việc thầm lặng ấy là rất có ích cho cuộc sống, cho mọi người; có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người .  - Ngoài ra anh còn đọc sách, trồng hoa…tự sắp xếp cuộc sống ngăn nắp đàng hoàng.  - Biết chân thành, cởi mở, quan tâm tới mọi người: khao khát gặp người, trò chuyện cởi mở đếm từng thời gian trôi; tặng củ nhân sâm cho bác lái xe, tặng hoa cho cô gái, làn trứng cho cô và bác ăn .  - Rất khiêm tốn: từ chối vẽ và nhiệt tình giới thiệu người khác đáng vẽ hơn.  \* Còn được xây dựng qua cảm nhận và suy nghĩ cảu các nhân vật khác như ông họa sĩ, bác lái xe, cô kĩ sư=> hình ảnh càng trong sáng, lấp lánh những vẫn chân thực.  **b/ Hình ảnh ông họa sĩ**  Một số chi tiết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ về con người và nghề thuật trong tác phẩm:  - Khi gặp anh thanh niên, người họa sĩ dường như đã tìm thấy cảm hứng, ý tưởng cho sáng tác nghệ thuật của mình: Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài.  - Ông họa sĩ bối rối, nhận thấy sự bất lực của nghệ thuật trước bức chân dung cuộc sống giản dị mà đẹp đẽ: Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài,…  => Nhận xét: Nhân vật ông họa sĩ có vai trò quan trọng trong tác phẩm. Ông là một nghệ sĩ từng trải, có cảm nhận sâu sắc về cuộc sống. Tác phẩm được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn, cảm nhận, suy nghĩ của ông. Qua nhân vật này, nhà văn Nguyễn Thành Long muốn gửi gắm những trăn trở, suy ngẫm của mình về con người và nghệ thuật. Nhân vật ông họa sĩ đã đem đến cho tác phẩm chiều sâu tư tưởng. |
| **2. Vẻ đẹp của cảnh Sa Pa** | |
| **Mục tiêu**: HS cảm nhận được vẻ đẹp huyền ảo diễm lệ của mảnh đất Sa Pa miền cực Bắc của Tổ Quốc.  **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS hoạt động cặp đôi để tìm hiểu vẻ đẹp của thiên nhiên nơi Sa Pa lặng lẽ.  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv giao cho hs câu hỏi:  -Hãy chỉ ra những đoạn văn miêu tả cảnh nơi Sa Pa? Cảm nhận về đoạn tả cảnh mà em ấn tượng nhất.  Hs thảo luận cặp đôi, lựa chọn câu trả lời và cử đại diện cặp đôi trình bày. Thời gian chuẩn bị là 5 phút.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân, hoạt động cặp đôi để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: trình bày sản phẩm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau:  Chất thơ của bức tranh thiên nhiên đã làm nền để nổi bật chất thơ của con người. Cảnh và người đều rất đẹp, rất trữ tình. Điều quan trọng Nguyễn Thành Long muốn gửi gắm rằng: đằng sau cái vẻ đẹp lặng lẽ của non xanh ngàn đời ấy lại là cái không lặng lẽ của cuộc sống lao động, cống hiến hết mình của con người. | - Vẻ đẹp của Sa Pa yên bình với những đàn bò lang cổ đeo chuông đủng đỉnh ăn cỏ, những rặng đào bạt ngàn.  - Vẻ đẹp của Sa Pa huyền ảo đầy màu sắc và ánh sáng: màu vàng rực rỡ của nắng, mầu xanh của rừng cây mênh mông, lấp lánh màu bạc của những ngọn thông rung tít trong nắng, màu tím hoa cà của những cây tử kinh.  -> miêu tả với cái nhìn tinh tế, ngôn ngữ giàu tính tạo hình, sử dụng các biện pháp nhân hóa, nói quá…tác giả đã khắc họa thành công một bức tranh phong cảnh thiên nhiên nơi núi rừng đậm đà chất thơ, cuốn hút bởi vẻ thơ mộng, diễm lệ, hùng vĩ. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh trình bày được nội dung, nghệ thuật của văn bản  **Nội dung**:  - GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS HĐ cá nhân, cặp đôi và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nhận xét của em về cách đặt tên nhân vật và ý nghĩa của cách đặt tên ấy? Kể thêm một số nét nghệt thuật đặc sắc khác?  ? Truyện ca ngợi điều gì? Qua đó em rút ra bài học gì cho mình sau khi tìm hiểu tác phẩm?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm | **1. Nghệ thuật**  - Xây dựng cốt truyện đơn giản  - Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt.  -Xây dựng nhân vật bằng chi tiết tiêu biều và thông qua cảm xúc suy nghĩ của nhân vật khác.  - Đặt tên khái quát.  - Ngôn ngữ trong sáng, giàu chất thơ.  **2. Ý nghĩa văn bản**  - Khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của công việc thầm lặng.  - Từ vẻ đẹp của con người trong tác phẩm ta suy nghĩ thấm thía về ý nghĩa, niềm vui của lao động; bài học vể sự cống hiến cho cộng đồng; trần trọng nhũng con người lao động thầm lặng, hi sinh cho đất nước;... |

**3. HĐ3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

***Câu 1: Truyện Lặng lẽ Sa Pa có nhân vật chính là ai?***

**A.** Ông họa sĩ    **B.** Cô kĩ sư    **C.** Bác lái xe    **D.** Anh thanh niên

***Câu 2: Cốt truyện của Lặng lẽ Sa Pa là gì?***

**A.** Cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa

**B.** Cuộc nói chuyện thú vị giữa người lái xe lên Sa Pa với cô kĩ sư và ông họa sĩ già

**C.** Anh thanh niên làm công tác trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa tự kể về cuộc đời mình

**D.** Cuộc gặp gỡ giữa những người đang sống và làm việc trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa nhưng trước đó chưa biết về nhau

***Câu 3:Truyện Lặng lẽ Sa Pa chủ yếu được kể qua cái nhìn của ai?***

**A.** Tác giả    **B.** Anh thanh niên    **C.** Ông họa sĩ già    **D.** Cô gái

***Câu 4: “Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa…!... Hay là, đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu ở dưới ấy*** ***đấy. Câu nói này thể hiện nhân vật anh thanh niên có nét đẹp nào?***

**A.** Dũng cảm, gan dạ    **B.** Khiêm tốn, thành thực

**C.** Chăm chỉ, cần cù    **D.** Cởi mở, hào phóng

***Câu 5: Nhận định nào không phù hợp với nội dung tư tưởng được thể hiện qua*** truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa?

1. Thể hiện vẻ đẹp của người lao động

B .Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước

C.Thể hiện khát vọng và niềm tin thắng kẻ th

D.Thể hiện ý nghĩa của công việc thầm lặng

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và làm bài

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS

ĐÁP ÁN:[1]='D'; [2]='A'; [3]='C'; [4]='B'; [5]='A'

**4. HĐ4: Vận dụng ( VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC )**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Viết đoạn văn ( khoảng 7-9 câu) tưởng tượng mình là nhân vật ông họa sĩ, ghi lại cảm xúc của mình sau cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

Gợi ý:

Gặp anh thanh niên ở đâu?

Cảm xúc ban đàu khi gặp? Sau khi nghe kể chuyện có những suy nghĩ cảm xúc gì?

Cảm nhận sâu sắc về tính cách, phẩm chất?

Niềm vui, tin yêu gì về cuộc sống?

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu vài cá nhân đọc sản phẩm, hs khác nhận xét

**HS** chỉnh sửa bài

**B4: Kết luận, nhận định**

-Gv trình bản tham khảo:

**Đoạn văn**: (1) Trong chuyến đi đến đỉnh Yên Sơn, tôi đã gặp được một chàng thanh niên trẻ với tấm lòng nhiệt thành, luôn vô tư cống hiến cho cuộc sống. (2) Anh ấy là một chàng thanh niên trẻ ở độ tuổi sôi nổi nhất, nhưng lại chấp nhận và vui vẻ sống cô đơn một mình trên đỉnh núi cao để hoàn thành nhiệm vụ được giao. (3) Tuy sống một mình nhưng anh ta vẫn rất sạch sẽ và ngăn nắp, tự tạo ra niềm vui cho chính mình. (4) Sự lạc quan, tích cực ấy của anh thanh niên khiến tôi rất thán phục và yêu mến. (5) Hiểu rõ về công việc của anh ấy sau cuộc trò chuyện, tôi lại càng nể phục những cống hiến của anh cho đất nước, nên có xin vẽ lại chân dung anh vào cuốn sổ tay. (6) Vậy mà anh ấy lại từ chối, với lý do là những việc bản thân làm không có gì to lớn cả, xung quanh có nhiều người cống hiến lớn hơn cho đất nước. (7) Người thanh niên trẻ ấy thật khiến tôi phải đi từ ngạc nhiên này đến bất ngờ khác. (8) Anh ta khiến tôi có thêm niềm tin và hy vọng vào tương lai của đất nước, bởi ở đâu đó cũng có những chàng thanh niên trẻ nhiệt huyết, luôn sẵn sàng cống hiến thầm lặng cho đất nước như vậy.

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, vẽ tranh vè một chi tiết trong truyện em yêu thích; chuẩn bị trước bài “ Thực hành tiếng Việt”.

**----------------------------------**

**Tiết 79. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT- THÁN TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm và chức năng của thán từ, sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Củng cố kiến thức vẽ một số biện pháp tu từ đã học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện biện thán từ được sử dụng trong văn

- Phân tích lý giải tchức năng của thán từ trong ngữ cảnh.

- Vận dụng sử dụng thán từ trong hoạt động giao tiếp và tạo lấp văn bản.

- Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ đã học.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Tự giác, tích cực khi làm bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:**Thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS nhớ lại kiến thức tiếng Việt bài vừa học.
2. **Nội dung:** GV giao bài tập, hs đọc và trả lời.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiện vụ**

*-* GV đưa ra yêu cầu: Tìm và xác định ý nghĩa của trợ từ trong các câu sau:

a) Nó hát những mấy ngày liền.

b) Chính các bạn đã giúp Lan học tốt.

c) Nó ăn mỗi bữa chỉ lưng bát cơm.

d) Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ.

e) Rồi cứ mỗi năm Rằm tháng 8.

Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

**Bước 3: Thảo luận, báo cáo**

- Hs trả lời trực tiếp sau thời gian suy nghĩ nhanh chóng.

- Hs khác nghe và bổ sung, nhận xét.

Dự kiến đáp án:

a, Trợ từ "những" biểu thị việc diễn đạt một sự việc khách quan như trên,còn có ý nhấn mạnh nó hát nhưng mấy ngày liền

b, Trợ từ “Chính” nhấn mạnh người giúp Lan học tốt.

c, Trợ từ “Chỉ” nhấn mạnh nó ăn ít và bày tỏ thái độ chê trách.

d, Trợ từ “cả” biểu thị nhấn mạnh về mức độ cao, ý bao hàm.

e, Trợ từ “cứ” biểu thị nhấn mạnh thêm về sắc thái khẳng định, không kể khách quan như thế nào.

**Bước 4: Kết luận**

Gv chốt kiến thức và chuyển bài mới.

**HOẠT ĐỘNG NHẬN BIẾT KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

1. **Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích chức năng của thán từ trong câu.
2. **Nội dung:** Hs làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thảo luận nhóm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập sau:   |  | | --- | | Hãy cho biết những từ in đậm sau đây có tác dụng gì, chúng thường đứng ở vị trí nào trong câu?  a, **Vâng**, để cháu cho nhà cháu ăn vài miếng cháo chút đã.  b, Con **ơi** đi về thôi kẻo muộn.  c, **Chao ôi**, mặt trời lên đẹp quá!  d, **Than ôi!** Thời oanh liệt nay còn đâu? |   **Hs** nhận nhiệm vụ, thảo luận theo bàn để hoàn thiện bài tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần ngữ liệu, suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.  - Gv theo dõi trợ giúp.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.  - Hướng dẫn HS cách trả lời (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  Dự kiến sản phẩm:  a, Từ “vâng” để đáp  b, Từ “ơi” để gọi  c, Từ “chao ôi” để bộc lộ cảm xúc  d, Từ “than ôi” để bộc lộ cảm xúc.  => hầu như đứng trong câu kết hợp với các bộ phận khác của câu. Đôi khi đứng riêng thành câu đặc biệt ( VD d)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức.  Những từ in đậm gọi là thán từ. ***Vậy thế nào là thán từ và có mấy loại thán từ?***  Hs trả lời dựa vào sgk phần tìm hiểu bài 6 và kiến thức vừa làm bài tập  Gv kết luận lên bảng.  **NV2. Kết hợp trả lời nhanh bài tập 1**  Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp để học sinh hoàn thành bài tập 1.  Gv gọi trả lời bổ sung và chuẩn kiến thức. | **I/ Nhận biết thán từ**  **1. Ngữ liệu**  **2. Nhận xét**  a, Từ “vâng” để đáp  b, Từ “ơi” để gọi  c, Từ “chao ôi” để bộc lộ cảm xúc  d, Từ “than ôi” để bộc lộ cảm xúc.  => hầu như đứng trong câu kết hợp với các bộ phận khác của câu. Đôi khi đứng riêng thành câu đặc biệt ( VD d)  **3.Kết luận:**   - Thán từ là những từ dùng để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói ( người viết) hoặc dùng để gọi- đáp.  - Một số loại trợ từ như:  + Để bộc lộ cảm xúc: ôi, chao ôi, trời ơi…  + Để gọi- đáp: dạ, vâng, ơi…  - Chú ý: sử dụng thán từ kèm theo biểu hiện của nét mặt, điệu bộ…  \* Bài tập 1:Các thán từ trong mỗi câu là: a. *vầng;* b. ô*; c. ơi.* |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV , HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  Thảo luận cặp đôi trong 5 phút  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.  **Bài tập 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  Gv chia lớp làm 2 đội, mỗi đỗi 5 bạn thi đặt câu với thán từ cho sẵn. Trong vòng 5 phút đội nào đặt đúng đủ và nhanh hơn, đội đó chiến thắng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong S  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị và sẵn sàng thi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS các đội làm bài tiếp nối  - GV theo dõi và bấm thời gian  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  -Gv cùng các đội chữa bài và chấm điểm. Chỉnh sửa lỗi sai về đặt câu và chính tả.  **Bài tập 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  Gv yêu cầu hs thảo luận làm bài tập theo kĩ thuật công đoạn.  Vòng 1: các nhóm làm bài trong vòng 5 phút.  Vòng 2 chuyển bài luân phiên từ nhóm1-nhóm 4 nhận xét và chữa bài trong thời gian 3 phút.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong sgk  - GV hướng dẫn HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS các đội làm bài chỉnh sửa đóng góp và công bố kết quả.  - GV theo dõi và trợ giúp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  -Gv cùng các đội chữa bài và kết luận.  - Động viên, khen ngợi các đội làm bài tốt. | **A/ THÁN TỪ**  **Bài tập 2 (SGK/23)**   1. Thán từ ôi thể hiện sự xúc động mạnh mẽ trước một điểu bất ngờ; cho thấy sự xúc động lớn lao, thái độ ngạc nhiên của người nghệ sĩ khi ông tìm được một ý tưởng sáng tác có giá trị trong chuyến đi của mình. 2. Thán từ *trời ơi* thể hiện cảm xúc tiếc nuối của anh thanh niên khi anh sắp phải chia tay ông hoạ sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe. 3. Thán từ *ơ* thể hiện sự ngạc nhiên, bối rối của anh thanh niên khi thấy ông hoạ sĩ vẽ mình. 4. Thán từ *chao ôi* thể hiện sự xúc động mạnh mẽ của ông hoạ sĩ khi ông nhận thấy rằng gặp được anh thanh niên là cơ hội hiếm có trong sáng tác nhưng hoàn thành được sáng tác đó còn là một chặng đường dài.   **Bài tập 3 (SGK/23)**  a,  **Ơ**, cái nón đó là của tớ mà!  b, **Than ôi** súng nổ đất rèn, lòng dân trời tỏ  c, **Trời ơi** sao tôi khổ thế này ?  **B/ BIỆN PHÁP TU TỪ**  **Bài tập 4 (SGK/23)**   1. Sử dụng biện pháp ẩn dụ, nhân hóa.   - Biện pháp tu từ ẩn dụ trong hình ảnh *“những cây thống chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc”.* Những cành thông tròn, nhọn, vươn lên thẳng tắp, óng ánh dưới ánh nắng, rung tít trong gió được hình dung như những ngón tay thon thả bằng bạc đang chuyển động xoay tròn.  - Biện pháp tu từ nhân hoá trong hình ảnh *cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhố cái đầu màu hoa cà ỉên trên màu xanh của rừng.* Cây tử kinh được nhân hoá, mang đặc điểm, hành động của con người (nhìn, nhô cái đầu lên).  ->Việc sử dụng các biện pháp tu từ trong đoạn văn làm cho hình ảnh thiên nhiên Sa Pa trở nên sinh động, đẹp đẽ, tinh tế và đầy chất thơ. Cho thấy Nguyễn Thành Long sử dụng từ ngữ giàu chất tạo hình và có cái nhìn đầy tinh tế.   1. Sử dụng biện pháp nhân hóa, so sánh, nói quá.   - Biện pháp tu từ nhân hoá trong hình ảnh *nắng đã mạ bạc cả con đèo* gợi tả ấn tượng sự lan tỏa mạnh mẽ của nắng Sa Pa  Biện pháp tu từ so sánh kết hợp với nói quá trong hình ảnh *đốt cháy rừng cầy hừng hực như một bó đuốc lớn* gợi tả sinh động hình ảnh ảnhrừng cây dưới nắng rực rỡ tựa như một bó đuốc khổng lồ. Cho ta thấy vẻ đẹp tráng lệ của rừng cây Sa Pa trong nắng.  ->Việc sử dụng các biện pháp tu từ đã giúp nhà văn miêu tả thành công thiên nhiên đặc trưng ở vùng núi Sa Pa với nắng, đèo, rừng cây. Thiên nhiên hiện lên rộng lớn, mênh mông, hùng vĩ, tráng lệ.Thể hiện cái nhìn đầy tinh tế của nhà văn. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn có sử dụng thán từ và một biện pháp nghệ thuật đã học.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn trong vòng 7 phút.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hs thực hiện bài tập cá nhân trong vòng 7 phút để trả lời:

Viết 1 đoạn văn ngắn theo đề tài: Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên. Trong đoạn có sử dụng ít nhất một thán từ và một biện pháp nghệ thuật đã học.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc yêu cầu và suy nghĩ cá nhân, viết bài

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.:

+ Nhớ lại những nét đẹp của anh thanh niên và liệt kê ra.

+ Dự kiến cảm xúc của em khi được học và cảm nhận vẻ đẹp của anh thanh niên.

+ Sử dụng biện pháp so sánh hoặc liệt kê.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Hs làm bài cá nhân sau 7 phút thì đọc bài, hs khác nhận xét và đọc tiếp bài của mình, hs khác đóng góp ý kiến.

- GV cho khoảng 5 cặp trình bày, tự chỉnh sửa.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

Dự kiến sản phẩm:

1. Nhân vật để lại trong tôi nhiều ấn tượng khó phai mờ nhất chính là anh thanh niên trong tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” của nhà văn Nguyễn Thành Long.(2) **Chao ôi**, gấp lại truyện rồi mà sao vẻ đẹp của anh ấy vẫn có sức lan tỏa mạnh mẽ vô cùng! (3) Anh ấy đẹp trước hết ở lòng yêu nghề, có trách nhiệm với nghề nhiều gian lao khắc nghiệt. Anh đã coi công việc là bạn là niềm vui là lẽ sống. (4) Hãy nghe anh nói mà cảm động “khi ta làm việc ta với công việc là đôi, công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn chết mất.”. (5) Anh còn yêu đời, sắp xếp cuộc sống mẫu mực đàng hoàng: **trồng cây, trồng hoa, nuôi gà, đọc sách**…(6) Người con trai ấy còn rất **thân thiện, cởi mở, nhiệt tình, quan tâm người khác** một cách chu đáo.(7) Sống và cống hiến cho đời như vậy nhưng anh lại rất khiêm tốn thành thực. (8) Có thể nói anh thanh niên đã mang đến cho ta cảm hứng dào dạt về tình yêu cuộc sống và ước vọng sống vì người khác, vì cuộc đời chung.

( từ ngữ in đậm là thán từ và biện pháp nghệ thuật liệt kê)

**HOẠT ĐỘNG VỀ NHÀ**

- Hoàn thành lại các bài tập

- Tìm thêm các thán từ trong thơ văn và nêu tác dụng.

- Soạn bài đọc văn bản số 3: Bếp lửa.

------------------------------------------

**Tiết 80- VĂN BẢN 3**

**BẾP LỬA**

*( Bằng Việt)*

**I. MỤC TIÊU.**

***1. Kiến thức:***

- Bức chân dung người bà, người cháu và tình bà cháu đầy yêu thương, ấm áp.

- Những bức “chân dung cuộc sống” được thể hiện khác nhau ở các thể loại tiểu thuyết, truyện, thơ.

- Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b. Năng lực chuyên biệt:

- Cảm nhận được bức chân dung người bà, người cháu và tình bà cháu đầy yêu thương, ấm áp. Qua đó, HS sẽ thấy được những bức “chân dung cuộc sống” được thể hiện khác nhau ở các thể loại tiểu thuyết, truyện, thơ.

- Phát hiện và phân tích được giá trị của các từ ngữ, hình ảnh và biện pháp nghệ thuật trong việc thể hiện nội dung của văn bản.

- Phân tích để cảm nhận được tình cảm và thông điệp của tác giả gửi gắm trong văn bản.

**3.Phẩm chất:**

- Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh, video... về tình cảm bà cháu

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập, sản phẩm học tập ( phần giới thiệu về tác giả và văn bản trước ở nhà)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khỏi động**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu VB.

**b. Nội dung :**

- Hoạt động cá nhân

- Thuyết trình

- Thời gian: 5 phút

**c. Sản phẩm hoạt động**

- Trình bày miệng

**d. Tiến trình hoạt động:**

**\*Chuyển giao -Thực hiện nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu hs xem video ngắn về bài thơ “Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh và trả lời câu hỏi chú ý: bài thơ gợi đến tình cảm nào của con người Việt Nam, nêu cảm nhận của em về tình cảm cảm xúc của nhà thơ gửi gắm. Nếu một ngày phải xa gia đình quê hương em sẽ nhớ nhất điều gì?

- Học sinh tiếp nhận

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

Hs theo dõi video và dự kiến câu trả lời.

\***Báo cáo kết quả:** -HS trình bày cảm nhận

**\*Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học …

Nếu như hai văn bản đọc trước hướng chúng ta đến tìm hiểu về những bức tranh cuộc sống có tình yêu thương muôn loài, bức tranh có vẻ đẹp thầm lặng của những con người lao động thì hôm nay văn bản kết nối chủ đề “Bếp lửa” sẽ cho các em cảm nhận một khía cạnh khác của bức tranh cuộc sống muôn màu: đó là tình cảm gia đình thiêng liêng bền chặt bắt nguồn từ tình bà cháu yêu thương. Tình cảm ấy là cội nguồn cho tình yêu quê hương đất nước. Kỉ niệm tuổi ấu thơ có sức tỏa sáng, nâng đỡ chúng ta trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

**2. Hoạt động 2:** **Hình thành kiến thức mới**.

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu**: HS trình bày được thông tin về tác giả, tác phẩm  **Nội dung**: **GV** sử dụng phương pháp dạy học dự án. Hs trình bày sản phẩm chuẩn bị ở nhà  **Sản phẩm:** câu trả lời hoàn chỉnh chi tiết của hs | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **NV1: B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * Kiểm tra việc thực hành đọc ở nhà của hs   - Yêu cầu hs xung phong đọc thuộc lòng và diễn cảm  - Các em nhận xét bạn đọc ntn? – Giáo viên HD nhắc nhở.  - Gv gọi hs trả lời một số các từ ngữ khó như: đinh ninh, nhóm…  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv gọi hs đọc diễn cảm  - Hs theo dõi, đọc tiếp và nhận xét  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Chia sẻ, góp ý về cách đọc.  **B4: Kết luận, nhận định**  Gv chia sẻ cách đọc với hs.  Đánh giá, khuyến khích hs  **NV2:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Báo cáo dự án chuẩn bị ở nhà theo phiếu bài tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi cử đại diện các nhóm báo cáo  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại điện nhóm báo cáo, nhóm khác góp ý  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** nhận xét, bổ sung  **GV**: Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  Gv : | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc**  **2. Tác giả**  **-** Bằng Việt, quê Hà Nội, nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.  **3. Tác phẩm**  \* Hoàn cảnh: Năm 1963 khi tác giả đang du học ở Liên Xô, in trong “Hương cây- Bếp lửa”(1968).  \* Thể loại: thơ tự do  \* PTBĐ: Biểu cảm, miêu tả, bình luận.  \* Bố cục: 4 phần  - Phần 1 (khổ 1): Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc và hồi ức của người cháu.  - Phần 2 (khổ 2,3,4,5): Hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bền bà và hình ảnh bà gắn liễn với hình ảnh bếp lửa.  - Phần 3 (khổ 6): Suy ngẫm vể cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.  - Phần 4 (khổ cuối): Người cháu đã trưởng thành và đi xa nhưng vẫn luôn nhớ vể bà. |
| **II.TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| **1.Hình ảnh người bà và tình cảm bà cháu.** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh cảm nhận được hình ảnh người bà kiên cường, tần tảo, giàu đức hi sinh. Tình bà mênh mông là điểm tựa tinh thần cho cháu trải qua bao khó khăn, thử thách, nuôi dưỡng cháu trưởng thành.  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT phòng tranh để hoàn thành nhiệm vụ.  **HS** làm việc cá nhân và nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -Gv sử dụng kĩ thuật phòng tranh hoàn thành nhiệm vụ đã giao trong phiếu học tập số 1 trong khoảng thời gian 10 phút:   |  |  | | --- | --- | | Chi tiết khắc họa về việc làm, lời nói của bà trong từng thời điểm | Ý nghĩa của các chi tiết | |  |  | |  |  | |  |  | | Đánh giá về nghệ thuật và hình ảnh người bà:  Tình cảm của cháu dành cho bà: | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: các nhóm hoàn thành yêu cầu  **GV:** theo dõi trợ giúp.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện trình bày trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét bổ sung và nhận xét chéo tự do và có chủ kiến.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng :Hình ảnh người bà trải dài trong cả bài thơ, trong nỗi nhớ miên man của cháu thật sống động, gần gũi mà lại vĩ đại. Người bà nhẫn nại cả đời chăm sóc cháu con để cho các con tham gia chiến dịch. Bà tần tảo, chịu thương chịu khó mà lại rất kiên cường. Trong từng lời thơ kết hợp với lời tự sự ta như được nghe cả một câu chuyện dài về tượng đài một người bà đáng kính. Thật xúc động biết bao bởi chân dung ấy thật mềm mại và tỏa sáng trong lòng và trái tim ta. Gấp trang thơ lại ta vẫn yêu người bà ấy. Bằng Việt quả thật đã truyền cho ta ngọn lửa của tình cảm bà cháu, của tình cảm gia đình bền chặt thiêng liêng.  Chuyển ý: Các em ạ, song hành cùng hình ảnh bà là hình ảnh bếp lửa. Vậy hình ảnh này có ý nghĩa thế nào trong kết cấu của bài thơ. | - Hiện về trong nỗi nhớ cùng hình ảnh bếp lửa thân thương.  - Lên 4 tuổi: chỉ nhớ khói bếp của bà hun nhèm mắt cháu-> bếp lửa nhà nghèo ám ảnh mãi không nguôi.  - Tám năm ròng: cùng bà nhóm lửa, bà kể chuyện, dạy, bảo, chăm cháu học-> bà như người cha người mẹ người thầy, là điểm tựa nương của đời cháu.  - Năm giặc đốt làng: lầm lụi dựng lại lều tranh; dặn cháu nói dối để bố yên tâm công tác-> bà kiên cường, giàu đức hi sinh.  - Bếp lửa bà nhóm lên từ cả tình yêu thương và niềm tin mãnh liệt vào cuộc kháng chiến vĩ đại sẽ dành thắng lợi.  -> Hình ảnh bà song hành cùng bếp lửa, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt, hình ảnh giản dị gợi cảm tác giả đã cho ta cảm nhận về chân dung một người bà tảo tần, đảm đang, giàu đức hi sinh; yêu thương và hết mực chăm sóc cháu; mạnh mẽ, vũng tin, là chỗ dựa vũng vàng cho cháu Hình ảnh bà cũng là vẻ đẹp của người phụ nữ  Việt Nam - tảo tần sớm hôm, chịu thương chịu khó, giàu tình yêu thương và đức hi sinh.  - Cháu dành cho bà tình yêu và lòng biết ơn vô hạn, thương nhớ không nguôi: lúc nào cũng luôn nhắc nhở, luôn nhớ công ơn của bà. |
| **2. Hình ảnh bếp lửa** | |
| **Mục tiêu**: HS cảm nhận được sự đắc sắc của hình ảnh bếp lửa trong bài thơ. Từ đó thấy được sự sáng tạo trong cách viết của Bằng Việt.  **Nội dung**: Hs hoạt động cặp đôi, trả lời theo phần đã chuẩn bị sẵn ở nhà.  HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi để trả lời. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv giao cho hs câu hỏi yêu cầu hoạt động cặp đôi để trả lời trong vòng 5 phút:  - Hình ảnh bếp lửa được nhắc lại bao nhiêu lần trong bài? Ngoài ra nó được nhắc gián tiếp qua những hình ảnh nào?  - Tác dụng của việc nhắc lại đó?  - Theo em hình ảnh bếp lửa trogn bài thwo có những ý nghĩa nào?  Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm cặp đôi để trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: trình bày sản phẩm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi khác (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang nội dung sau. | - Hình ảnh bếp lửa được lặp lại trực tiếp 7 lần trong bài thơ. Ngoài ra, hình ảnh bếp lửa còn xuất hiện gián tiếp qua hình ảnh khói, hành động nhóm lửa và hình ảnh ngọn lửa (mùi khói, khói hun nhèm mắt cháu, cháu cùng bà nhóm lửa, một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn, một ngọn lửa chứa niễm tin dai dẳng,...).  - Hình ảnh bếp lửa xuyên suốt bài thơ gắn liền với hình ảnh bà và những kỉ niệm tuổi thơ của người cháu. Bếp lửa là tình yêu thương ấm áp của bà dành cho cháu. Hằng ngày, bà nhóm bếp lửa cũng là nhóm lên tình yêu, niểm vui, niềm hi vọng trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt. Bà chính là người thắp lửa, chắt chiu gìn giữ ngọn lửa ấm áp của sự sống, của niềm tin cho các thế hệ sau.  -> Như vậy, hình ảnh bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Vì thế, với người cháu, bếp lửa quen thuộc, gắn bó suốt tám năm ròng của tuổi thơ nhưng lại mang ý nghĩa về sự kì diệu, thiêng liêng: *ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!* |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh trình bày được nội dung, nghệ thuật của văn bản  **Nội dung**:  - GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS HĐ cá nhân, cặp đôi và báo cáo sản phẩm. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  ?Bài thơ đã “vẽ” nên bức “chân dung cuộc sống” nào ? Điều gì trong bức chân dung ấy gây ấn tượng sâu sắc với em? Vì sao? Nêu ý nghĩa của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  Dự kiến về các bức chân dung:  chân dung người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu yêu thương; chân dung người cháu đã trưởng thành, đi xa nhưng vẫn luôn nhớ vẽ bà, yêu thương và biết ơn bà; chân dung về kỉ niệm tuổi thơ với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhọc nhằn: năm 1945 đói mòn đói mỏi, hoàn cảnh khó khăn trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (mẹ cùng cha công tác bận không về, cháu lớn lên trong sự cưu mang, dạy dỗ của bà, giặc đốt làng cháy tàn, cháy rụi); chân dung vẽ tình cảm bà cháu ấm nồng, sâu sắc.**B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm | **1. Nghệ thuật**  - Sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng  - Phối hợp nhiều phương thức biểu đạt  - Thể thơ tám chữ phù hợp với dòng cảm xúc.  **2. Ý nghĩa văn bản**  Bài thơ ca ngợi tình cảm bà cháu thắm thiết đồng thời thể hiện lòng kính trọng, biết ơn của cháu dành cho bà cũng là đối với gia đình quê hương đất nước. |

**3. HĐ3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Câu 1:** Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào là chủ yếu?

**A.** Tự sự    **B.** Biểu cảm    **C.** Nghị luận    **D.** Miêu tả

**Câu 2:** Nội dung chính của bài thơ là gì?

**A.**  Nói về tình cảm sâu nặng, thiêng liêng của người cháu đối với người bà

**B.** Miêu tả vẻ đẹp của hình ảnh bếp lửa mỗi buổi sớm mai

**C.** Nói về tình cảm yêu thương của người bà dành cho con và cháu

**D.** Nói về tình cảm nhớ thương của người con dành cho cha mẹ đang chiến đấu ở xa.

**Câu 3: T**rong dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình, hình ảnh người bà gắn với hình ảnh nào?

**A.** Người cháu    **B.** Cuộc chiến tranh

**C.**  Bếp lửa     **D.**Tiếng chim tu hú

**Câu 4:** Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để diễn tả kỉ niệm “Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu/ Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”?

A. Nhân hoá B. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

C. Hoán dụ D. So sánh

**Câu 5:** Hình ảnh người bà hiện lên với những phẩm chất cao đẹp nào?

A. Giàu lòng yêu thương và đức hi sinh B. Tần tảo, chịu khó

C. Yêu nước D. Cả A, B, C

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và làm bài

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS

ĐÁP ÁN:[1]='B'; [2]='A'; [3]='C'; [4]='B'; [5]='D'

**4. HĐ4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

Gv giao nhiệm vụ: viết một đoạn văn ( khoảng 7 đến 9 câu) cảm nghĩ của em về tình cảm bà cháu.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

  - Đọc yêu cầu, làm bài cá nhân.

**B3. Thảo luận, báo cáo**

- Hs đọc bài viết của mình, hs khác bổ sung, chỉnh sửa.

Dự kiến TL:

1. Trong bài thơ "Bếp lửa", tác giả Bằng Việt đã gợi nhắc về những kỉ niệm tuổi thơ bên người bà của mình cũng tình cảm bà cháu thắm thiết sâu nặng. (2) Hình ảnh của bà gắn liền cùng với bếp lửa mỗi sớm mai, và bà cũng gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ của cháu với bao yêu thương "ấp iu nồng đượm". (3) Cả tuổi thơ của cháu đều bên bà, chính bà là người chăm lo cho cháu, cho cháu cái ăn cái mặc trong những năm tháng đói khát nhất của đất nước và cũng là người dạy bảo cháu nên người.(4) Thế nhưng dù có khó khăn, có cực nhọc, bà vẫn thay cha mẹ nuôi cháu lớn khôn. (5)Không chỉ dạy bảo cháu, bà còn luôn giữ cho cháu sự vững vàng và một niềm tin vào tương lai: "Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn/ Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...". (6) Chính "ngọn lửa" bà "nhen" lên mỗi sớm mỗi chiều đã tiếp cho cháu thêm sức mạnh để trưởng thành, để chiến đấu và là hành trang để cháu bước vào đời. (7) Tình cảm cháu dành cho bà là tình yêu thương cho những tần tảo, những hy sinh bà đã dành cho cháu "Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa"; "Nắng mưa" là đại diện cho sự gian khổ, cho những vất vả của tháng năm ròng bà nuôi cháu lớn khôn.(8) Cháu cảm nhận được cả đời bà là sự hy sinh, là sự vất vả, gian khó mà nuôi cháu trưởng thành. (9)Giờ đây, cháu đã tới một đất nước xa xôi với đủ những hiện đại, những "niềm vui" mới lạ, nhưng tình cảm cháu dành cho bà vẫn luôn sáng mãi trong tim cháu. (10) Hình ảnh người bà cùng tình bà cháu sâu nặng, tha thiết đã được Bằng Việt tái hiện vô cùng sống động qua những dòng thơ trong Bếp lửa.

**B4. Kết luận**

Gv khuyến khích hs và về hoàn thiện tiếp ở nhà.

**HOẠT ĐỘNG VỀ NHÀ**

-    Ôn bài và sưu tầm những bài thơ hay về tình bà cháu.

- Chuẩn bị soạn bài viết và trả lời các câu hỏi.

**-------------------------------------------------**

**Tiết 81,82,83 VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM**

(truyện)

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Bài văn phân tích một tác phẩm (truyện).

- Yêu cầu, dàn ý cơ bản của bài văn phân tích một tác phẩm (truyện).

- Các bước làm bài cơ bản, viết bài và sửa lỗi.

***2. Năng lực***

***a Năng lực chung***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

***b Năng lực đặc thù***

-HS nhận biết được yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm (truyện).

-HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề; dẫn ra và phần tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

***3. Phẩm chất:***

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập, say mê thực hành.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động.**

*a/ Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình

*b/ Nội dung:* GV hỏi, HS trả lời.

*c/ Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG** | **CÁCH THỨC TỔ CHỨC** |
| - Có thể ghi lại đặc sắc về cốt truyện, đề tài, nội dung ý nghĩa…  - Đặc sắc về cách kể chuyện, ngôn ngữ trong truyện, hình ảnh nhân vật để nói lên chủ đề tác phẩm… | \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV hỏi:*  Sau khi được học 2 tác phẩm truyện, em thấy được những nét đặc sắc nào về nội dung và nghệ thuật cơ bản? Chia sẻ cùng cô và các bạn  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - Nghe kĩ câu hỏi  - Ghi lại suy nghĩ và cảm xúc của mình  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới. |

**Hoạt động 2:** **Hình thành kiến thức mới**.

**TIẾT 1 .**

**I/ YÊU CẦU**

*a/ Mục tiêu:* Phân tích được yêu cầu cơ bản của bài viết từ đó hình thành dàn ý

*b/ Nội dung:*

Trả lời câu hỏi và dự kiến dàn ý.

*c/ Sản phẩm:*

*-* Câu trả lời của HS.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv hỏi: nêu yêu cầu của bài viết? Tại sao lại phải đáp ứng những yêu cầu đó.  Hs tiếp nhận và trả lời nhanh.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs nghe kĩ yêu cầu và suy nghĩ trả lời.  **B3. Thảo luận, báo cáo**  Hs trả lời và bổ sung  **B4. Kết luận**  Gv nhận xét và chuẩn kiến thức và giải thích bổ sung:  Các yêu cầu 1,2,3,6 là cơ bản để ta có thể giúp người đọc có hiểu biết toàn diện về một tác phẩm truyện. Còn các yêu cầu 4,5 chính là bằng chứng giúp cho bài phân tích của chúng ta có sức thuyết phục mạnh. Đó cũng chính là sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa luận điểm và luận cứ, sự phối hợp giữa phân tích nội dung và nghệ thuật làm cho bài văn cân đối, hài hòa và khám phá được chọn vẹn. | - Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.  - Nêu được chủ đề của tác phẩm.  - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ, …)  - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.  - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. |

1. **PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

*a/ Mục tiêu:*

- Phân tích được nội dung, cấu trúc, các yếu tố được sử dụng trong bài viết tham khảo “ Hãy “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” để cảm nhận vẻ đẹp kì diệu của cuộc sống”.

- Rút ra bài học kinh nghiệm để viết bài .

*b/ Nội dung:*

- Tìm hiểu nội dung, cấu trúc, các yếu tố được sử dụng trong bài viết tham khảo

*c/ Sản phẩm:*

*-* Câu trả lời của HS.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS hoạt động theo nhóm. HS đọc SGK trang 26,27,28 và trả lời các câu hỏi trong thời gian 10 phút:  *+ Phần nào, câu nào đã giới thiệu tác phẩm truyện?*  *+ Đoạn nào trong bài nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm? Nêu “công thức” trình bày nội dung chính của tác phẩm truyện.*  *+ Đọc đoạn (3), (4), (5), (6) của bài văn:*   * *Chỉ ra các câu nêu chủ để của tác phẩm và những bằng chứng được trích từ tác phẩm để làm sáng tỏ chủ để.* * *Chỉ ra các câu nhận xét, phân tích một số nét đặc sắc vể hình thức nghệ thuật của tác phẩm và các bằng chứng được trích từ tác phẩm.* * *Chỉ ra các câu khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.*   Hs các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tham khảo và thực hiện các yêu cầu, hoàn thành nhiệm vụ vào vở.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Chuẩn kiến thức. | **VB:** “ Hãy “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” để cảm nhận vẻ đẹp kì diệu của cuộc sống”.  **\***Mở bài: đoạn 1 đã giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  \* Thân bài  - Đoạn 1: nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm: gồm 19 thiên truyện nhỏ, nhân vật “tôi”- cậu bé 10 tuổi kể về những niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống hằng ngày.( giới thiệu từ thể loại, bố cục, nhân vật chính…)  - Ba đoạn còn lại:  + Nêu chủ đề của tác phẩm trực tiếp trong câu: Dường như nhà văn muốn gửi đến…Hãy mở rộng mọi giác quan, mở rộng tâm hồn mình để cảm nhận vẻ đẹp kì diệu của sự sống, cỏ cây, đất trời.  + Nhận định nội dung là bài ca về sự giao cảm đẹp đẽ tinh tế giữa người với người: kết hợp bằng chứng.  + Cốt truyện đơn giản những hấp dẫn (kết hợp bằng chứng), xây dựng thành công một số hình ảnh chứa đựng nhiều lớp nghĩa (dẫn chứng)  \*Kết bài: khẳng định vị trí, ý nghĩa của truyện  Là một món quà đẹp mà người viết đã trao tặng đến bạn đọc. |
| **TIẾT 2: III. Thực hành viết theo các bước** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:   1. *Có mấy bước để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện?* 2. *Dựa vào SGK, em hãy nêu vắn tắt các yêu cầu của từng bước.*   *3) Tìm ý và lập dàn ý theo* ***Phiếu học tập số 2- phụ lục 2.***  *4) GV cho HS viết bài theo các yêu cầu SGK.*  *5) GV cho HS chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu và gợi ý SGK tr.51.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu và các bước GV hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  - HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  - Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV (theo *BẢNG KIỂM*)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, khen ngợi những bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu.  - Động viên HS chưa đạt được yêu cầu, cần nỗ lực hơn.  **Gv:** định hướng cho hs lựa chọn 2 bài thơ: Qua đèo Ngang và Thu điếu. | **\*Các bước viết bài:**  - Lựa chọn tác phẩm phân tích  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Viết bài văn.  - Chỉnh sửa bài văn.  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đối tượng**  - Liệt kê một số truyện mình đã học hoặc đã đọc  - Xác định truyện mình yêu thích, ấn tượng để phân tích.  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  *\*Tìm ý*  - Nhan đề ,đề tài và nội dung chính của truyện  - Nhân vật nổi bật thể hiện chủ đề của truyện.  - Dự kiến các bằng chứng trong tác phẩm để làm nổi bật nội dung.  - Đánh giá những nét nghệ thuật cơ bản của truyện: người kể chuyện, ngôn ngữ, hình ảnh, cốt truyện...  - Đánh giá vị trí, ý nghĩa của tác phẩm truyện.  *\*Lập dàn ý*  Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:  **A. Mở bài:** *giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.*  **B. Thân bài:**  *- Ý 1: nêu nội dung chính của tác phẩm*  *- Ý 2: Nêu chủ đề của tác phẩm.*  *- Ý 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.*  **C. Kết bài:** *Khẳng định vị trí ý nghĩa của tác phẩm.*  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |
| **TIẾT 3: TRẢ BÀI** | |
| **NV1**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv yêu cầu hs nhắc lại những yêu cầu chung của bài viết phân tích một tác phẩm truyện.  Hs tiếp nhận và trả lời nhanh.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs nhớ kiến thức và dự kiến câu trả lời  **B3. Thảo luận, báo cáo**  Hs trả lời và bổ sung  **B4. Kết luận**  GV khen ngợi và chốt kiến thức  **NV2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv yêu cầu hs trao đổi thảo luận trong 10 phút về những ưu khuyết điểm của bài bạn được đánh giá dựa theo bảng kiểm.  Hs chuyển bài luân phiên kế tiếp bàn trên xuống bàn dưới và vòng lại sau khi hết các bàn.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs nghe kĩ yêu cầu, xem kĩ bài của bạn và đánh giá vào phiếu học tập.  **B3. Thảo luận, báo cáo**  Hs báo cáo kết quả theo các cặp đôi.  Gv cho khoảng 10 cặp đôi báo cáo.  **B4. Kết luận**  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm.  **NV3**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phần tích, bổ sung ở trên.  Hs làm việc cá nhân.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs xem kĩ lại những thiếu sót và chỉnh sửa.  **B3. Thảo luận, báo cáo**  Hs chỉnh sửa bài và báo cáo giáo viên.  **B4. Kết luận**  Gv nhận xét chung về kết quả bài và sau khi sửa lỗi.  - GV chiếu và đọc bài viết tham khảo. | **1/ Yêu cầu chung của kiểu bài**  **2/ Nhận xét**  - Ưu điểm: viết đúng kiểu bài, đáp ứng đủ theo bố cục, có phân tích được nội dung, chủ đề và các nghệ thuật cơ bản; trình bày phối hợp giữa tluận điểm với lậu cứ.  - Nhược điểm: một số bạn nhận diện nội dung còn yếu, đánh giá nghệ thuật sơ sài, chữ viết cẩu thả, diễn đạt còn dài dòng khó thoát ý.  **3/ Chỉnh sửa và hoàn thiện** |

**BẢNG KIỂM**

*Đọc kĩ lại bài viết, đối chiếu từng tiêu chí với bài viết,*

*tự đánh dấu (x) vào ô Đạt hoặc Không đạt*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phẩn** | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** |
| Mở bài | Giới thiệu ngắn gọn tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) |  |  |
| Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm |  |  |
| Thân bài | Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm |  |  |
| Nêu chủ đề tác phẩm |  |  |
| Trích dẫn một số bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề tác phẩm |  |  |
| Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm |  |  |
| Trích dẫn một số bằng chứng để làm sáng tỏ đặc sắc vể hình thức nghệ thuật của tác phẩm |  |  |
| Kết bài | Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm |  |  |

**1. Phụ lục 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng phân tích** | **Nội dung giới thiệu phần mở bài** | **Các vấn đề khai thác phần thân bài (**nội dung chính, chủ đề, đặc sắc nghệ thuật) | **Nội dung phần kết bài** |
| Truyện “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” của Nguyễn Ngọc Thuần | Tác giả, tác phẩm và giá trị khái quát của tác phẩm | - Nội dung chính: kể về những niềm vui nỗi buồn trong cuộc sống hằng ngày và cả những chuyện phiêu lưu li kì qua lời kể của cậu bé Dũng.  - Chủ đề: Dường như nhà văn muốn gửi đến…Hãy mở rộng mọi giác quan, mở rộng tâm hồn mình để cảm nhận vẻ đẹp kì diệu của sự sống, cỏ cây, đất trời.  + Nhận định nội dung là bài ca về sự giao cảm đẹp đẽ tinh tế giữa người với người: kết hợp bằng chứng.  + Cốt truyện đơn giản những hấp dẫn (kết hợp bằng chứng), xây dựng thành công một số hình ảnh chứa đựng nhiều lớp nghĩa (dẫn chứng) | Khẳng định vị trí, ý nghĩa của tác phẩm: là một món quà đẹp |

**2. Phụ lục 2.**

|  |  |
| --- | --- |
| Tác phẩm truyện em lựa chọn có nhan đề gì, của ai? | ……………………………………………………………………………………………………………… |
| Hãy trình bày đề tài và nội dung chính của truyện? | ………………………………………………………………..………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………… |
| Em dự kiến phân tích những nét nội dung nổi bật nào trong tác phẩm? | ………………………………………………………………..………………………………………………………………..………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………… |
| Liệt kê và lý giải những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện có kèm theo cả bằng chứng.(về cốt truyện, hình ảnh,ngôn ngữ, cách kể chuyện…) | ………………………………………………………………..………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………… |
| Khẳng định gì về vị trí và ý nghĩa của truyện | ………………………………………………………………..………………………………………………………………..……………………………………… |

**3. Phụ lục 3.**

**\* Dàn bài gợi ý 1.**

**1. Mở bài:** giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long, tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa

**2. Thân bài:** phân tích chi tiết tác phẩm

***a. Cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa***

- Nắng đốt cháy rừng cây, mạ bạc con đèo…

- Cây hoa tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.

- Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.

=> Vài nét chấm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, so sánh -> Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp rực rỡ, tráng lệ, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét, hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước.

- Có thể nói, vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa hoàn toàn tương xứng và hài hòa với vẻ đẹp của con người giàu chất mộng mơ, đầy ý nghĩa.

***b. Con người nơi Sa pa***

 \* Nhân vật ông họa sĩ

Điểm nhìn trần thuật của nhà văn, rất yêu nghề, nhạy cảm và tinh tế. Chính ông đã làm cho chân dung anh thanh niên sáng đẹp hơn.

\* Nhân vật cô kĩ sư

- Cô là hiện thân, là biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ.

- Cuộc gặp gỡ bất ngờ cũng những câu chuyện, những lời tâm sự của anh thanh niên đã khiến cô cảm thấy "bàng hoàng", giúp cô hiểu hơn về anh và có niềm tin vào con đường mình đã chọn.

\* Nhân vật bác lái xe

Bác là cầu nối giữa anh thanh niên với miền xuôi, với cuộc đời. Bác vui tính, cởi mở và rất yêu nghề.

\* Nổi bật hơn cả là hình ảnh anh thanh niên

Hoàn cảnh sống và làm việc

- Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên khá đặc biệt:

+ Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, “bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo” => hoàn cảnh sống cô đơn, vắng vẻ, cô đơn đến mức “thèm người”.

+ Công việc: làm công tác khí tượng, kiêm vật lí địa cầu, đo nắng, đo gió, đo mưa, tính mây, đo chấn động mặt đất dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu => Công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

+ Công việc không khó nhưng giản khổ: bốn lần trong một ngày đêm đều đặn, dù mưa, nắng, gió, bão,…

- Những phẩm chất tốt đẹp

- Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm về công việc:

+ Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát, thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy:.

+ Anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.

+ Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.

+ Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống: “Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn đến chết mất” => anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

- Biết sắp xếp một cuộc sống một cách khoa học

+ Anh chủ động, sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp, đầy đủ, phong phú và thơ mộng: trồng hoa, nuôi gà, đọc sách…

- Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách

+ Vì “thèm người” mà anh đã đẩy một khúc gỗ ra chắn giữa đường, buộc xe khách đi qua phải dừng lại => niềm khao khát được gặp gỡ, được trò chuyện với mọi người

+ Anh quan tâm đến người khác một cách thật lòng: gửi biếu vợ bác lái xe củ tam thất vì hôm nọ “bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì?”, đón tiếp ông họa sĩ và cô kĩ sư thật thân tình, nồng hậu

- Sự khiêm tốn, thành thật

+ Khi ông họa sĩ phác họa bức chân dung anh, anh đã khẩn khoản: “Không, xin bác đừng mất công vẽ cháu. Cháu không xứng đáng đâu, để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng vẽ hơn” => Anh cảm thấy mình là người bình thường trong muôn vàn những người khác.

c. Nghệ thuật đặc sắc của truyện:Nguyễn Thành Long đã khắc họa thành công vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sa Pa bằng tình huống giản dị tự nhiên: cuộc gặp gỡ tình cờ giữa 3 con người ở ba tuổi đời và nghề nghiệp. Để nhân vật chính hiện ra qua cái nhìn, đánh giá của người khác và bằng chính sự bộc bạch của mình. Lối văn kể chuyện nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình kết hợp với việc không đặt tên riêng cho nhân vật khiến cho chúng ta ấn tượng về con người sống và lao động âm thầm, say mê cống hiến cho đời.

**3. Kết bài:** Khẳng định giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

**Tiết 84 NÓI VÀ NGHE**

**Giới thiệu về một cuốn sách (truyện)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: nêu được để tài hay chủ đễ của cuốn sách và một số nét đặc sắc vể hình thức nghệ thuật. Từ đó khẳng định và lan toả giá trị của cuốn sách, giúp người nghe hiểu và có thể tìm đọc nó.

- Trao đổi với người nói vể bài thuyết trình.

***2. Về năng lực:***

- HS trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách. Bài giới thiệu cần cung cấp những thông tin quan trọng nhất vẽ cuốn sách; nêu được để tài hay chủ đễ của cuốn sách và một số nét đặc sắc vể hình thức nghệ thuật. Từ đó khẳng định và lan toả giá trị của cuốn sách, giúp người nghe hiểu và có thể tìm đọc nó.

- HS nghe và tóm tắt được nội dung bài giới thiệu về một cuốn sách, trao đổi với người nói vể bài thuyết trình.

- Có khả năng nói lưu loát, truyền cảm và thu hút người nghe.

- Có khả năng lắng nghe, phát hiện và ghi nhận nội dung chủ yếu của bài nói để góp ý khen tặng và học hỏi, rút kinh nghiệm.

***3. Về phẩm chất:***

- Say mê đọc sách, trân trọng sách.

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh vẽ minh họa sách.

- Bài giới thiệu về một cuốn sách ( truyện)

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỎI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: Theo em, khi đọc một cuốn truyện mới, người đọc sẽ có thêm những hiểu biết gì? Chia sẻ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Đọc một cuốn truyện mới, em sẽ có thêm hiểu biết thêm nhiều điều thú vị về con người và cuộc sống qua cách tái tạo đặc sắc của mỗi nhà văn. Từ đó, em có thể rút ra bài học cho cuộc sống hôm nay. Việc trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện mới đã đọc cho các bạn không chỉ là dịp để em chia sẻ với các bạn những hiểu biết của mình về tác phẩm, mà còn giúp em rèn luyện kĩ năng nói.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: I/ Yêu cầu, mục đích**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nội dung SGK, xác định yêu cầu và mục đích của bài nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Yêu cầu: Trình bày bài giới thiệu ngắn  về một cuốn sách (truyện ).  - Mục đích nói: Cung cấp thông tin cơ bản về một cuốn truyện lịch sử, khơi gợi hứng thú ở người nghe và khuyến khích họ tìm đọc tác phẩm.  - Người nghe: Những người yêu thích truyện lịch sử hoặc quan tâm đến cuốn truyện lịch sử được giới thiệu. |

**Hoạt động 2: II/ Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A/ TRƯỚC KHI NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định và chuẩn bị được các nội dung cơ bản của bài nói.  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  *? Chuẩn bị nội dung một bài nói em cần chuẩn bị những gì? Các bước chuẩn bị?*  *? Dàn ý một bài nói gồm những phần nào?*  *? Lựa chọn cuốn truyện mình yêu thích?*  *? Em hãy nêu rõ tên tác giả, tác phẩm, nội dung chính, chủ đề, nghệ thuật đặc sắc ?*  *?**Cuốn truyện mang đến giá trị, ý nghĩa gì?*  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. Chú ý chuyển từ lời văn viết sang văn nói.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ. | | |
| **B/ TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | | | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị trước.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của đã chuẩn bị trước  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (một cuốn truyện ).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | |
| **SAU KHI NÓI** | | | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c) Sản phẩm:** Bài nói vànhận xét về HĐ nói của từng HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  Và gv cụ thể bằng những câu hỏi gợi mở để đánh giá:  *+ Bài giới thiệu về một cuốn sách có bảo đảm yêu cầu về nội dung không?*  *+ Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không?*  *+ Khả năng truyền cảm hứng thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ cơ thể và các phương tiện hỗ trợ?*  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.  Gv trình bày bài nói tham khảo | | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS | |

**Phụ lục bài nói tham khảo:**

1. **Mở bài:**

Mỗi quyển sách chứa đựng một kho tàng kiến thức vô cùng lớn và chứa nhiều nội dung phong phú khác nhau. Nhưng điều quan trọng hơn chính là tìm được cuốn sách bổ ích và cần thiết cho nhu cầu của bạn. Và một trong những cuốn sách tôi muốn giới thiệu đến ở đây đó là cuốn sách “Tôi tài giỏi, Bạn cũng thế” của tác giả người Singapore Adam Khoo và được dịch sang tiếng Việt bởi Trần Đăng Khoa và Uông Xuân Vy.

1. **Thân bài**

Cuốn sách “Tôi tài giỏi, Bạn cũng thế” được đúc kết từ rất nhiều năm kinh nghiệm của Adam Khoo. Adam muốn chia sẻ những phương pháp và kỹ năng mà anh đã áp dụng từ năm 13 tuổi, trên con đường đi đến thành công trong học vấn và sự nghiệp. Từ một đứa trẻ được coi là “vô dụng”, “bất tài”, “học kém” Adam đã vươn lên và trở thành một triệu phú trẻ và giàu có nhất Singapore.

Nó cũng giống như tên cuốn sách, đó là những bí quyết để dẫn đến thành công mà anh chia sẻ qua từng trang sách, từng chương cũng như từng đề mục. Đầu tiên tác giả đã đưa ra một loạt những biểu hiện trước khi anh đến với thành công. Nó có thể được tóm gọn bằng những từ như “ngu si” “đần độn” (chương I). Nhưng lần lượt qua những trang sách sau bạn phải thật sự ngạc nhiên khi tác giả đã tự tạo ra cho mình một bước ngoặt lớn để thay đổi cuộc đời, số phận.

Bằng những bước đi cơ bản từ dễ đến khó, Adam đã thực sự bắt tay vào hành động với mục tiêu phía trước. Lần lượt qua những trang sách này các bạn sẽ nhận biết được chân dung của một triệu phú trẻ đã phải vượt qua thử thách kiên trì như thế nào để có được ngày hôm nay. Càng đọc tôi càng thấy nó thực sự lôi cuốn, hấp dẫn, muốn đọc thật nhanh để tìm ra những bí quyết mà Adam đúc kết được. Bởi vì sự tò mò và thích thú đã khích lệ tôi lật sang những trang kế tiếp để tìm cái tôi cần.

Phải công nhận Adam rất biết thu hút người đọc không chỉ bằng hình thức mà còn về cả nội dung. Bởi khi lật sang trang kế tiếp tôi thật sự lấy làm vui khi trau dồi kinh nghiệm của Adam là một thứ gì đó cất giấu cho riêng mình để chuẩn bị hành trang chiến đấu với khó khăn ở tương lai. Tôi xin trích dẫn một vài đề mục đang và đã được ứng dụng rộng rãi cho tất cả mọi người:

- Phương pháp học để nắm bắt thông tin (chương 5).

- Sơ đồ tư duy công cụ ghi nhớ tối ưu (chương 7).

- Trí nhớ siêu đẳng cho từ và số (chương 8,9).

Bạn thấy đấy những phương pháp trên đã giúp bạn cải thiện phần nào khó khăn trong học tập cũng như trong công việc. Chúng ta có thể lấy một ví dụ điển hình như sơ đồ tư duy (mind map) đã được ứng dụng mạnh mẽ ở trường học cũng như các lĩnh vực khác đã đạt được nhiều thành công.

Có thể nói phương pháp không thì chưa đủ, để có nghị lực thực hiện các phương pháp trên quan trọng nhất đó là động lực để học tập. Đó cũng là một trong những phần quan trọng nhất của sách được thể hiện ở phần III “Động lực cá nhân của bạn”. Từ chương 12 đến chương 16 Adam đã trình bày những bí quyết để vượt qua lười biếng, tập trung phát triển bản thân đó là điều quan trọng nhất đối với mỗi người hay tạo quyết tâm mạnh mẽ ở chương 16.

Đối với phần cuối bạn sẽ tìm được phương pháp thi cử tốt nhất thông qua chương 17 “Tăng tốc về đích”. Chiến thắng và vinh quang ở chương 18. Theo tôi nghĩ bạn đọc đến phần cuối như thế này thì bước thành công đầu tiên của bạn đã hoàn thành. Để kiên trì đọc hết một cuốn sách không hình mà lại khô khan không cảm xúc thì rất khó đối với những người không biết kiên trì, nhẫn nại để đến đích.

Tôi đã đọc hết và đã đúc kết được những kinh nghiệm riêng cho mình. Mời các bạn cùng tôi tham khảo qua những bí quyết này! Để thay đổi cuộc sống, tôi phải thay đổi. Bạn làm chủ cuộc sống của bạn. Bạn phải thay đổi sự tồi tệ ở thực tại để thành công chứ không phải nhìn về phía bóng tối của sự tồi tệ.Không có thất bại, chỉ có kinh nghiệm. Bạn chưa thành công , chẳng sao vì bạn sẽ rút ra kinh nghiệm là chính nguyên liệu cho sự thành công của bạn.Nếu mọi người làm được, tôi cũng làm được, họ cũng như bạn, một bộ não, một cơ thể con người. Họ làm được thì sao bạn lại không?

1. **Kết bài:** Từ những điều nói trên tôi có thể khẳng định rằng cho dù bạn là ai, đang ở đâu, đang học trường nào, đang hướng đến bất cứ mục tiêu gì trong học tập và trong cuộc sống, tôi xin chắc chắn với bạn một điều rằng, bạn sẽ tìm được câu trả lời trong quyển sách “Tôi tài giỏi, Bạn cũng thế” chứa đựng những bí quyết để Adam Khoo lập nên kì tích.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** bài làm của hs

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu:**

“Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi nằm, thấy Giôn-xi đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng, chị ôm lấy cả người Giôn-xi lẫn chiếc gối.

“Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị”, cô nói, “Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thắp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, vài chiếc bút lông rơi vung vãi và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và – em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tái sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, cụ vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng”.

(Trích “Chiếc lá cuối cùng” – O Hen-ri)

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích

**Câu 2.**Khái quát nội dung chính của đoạn trích trên?

**Câu 3.**Tìm trợ từ, thán từ sử dụng trong đoạn trích? Chỉ ra tác dụng?

**Câu 4.**Nguyên nhân sâu xa nào đã tác động đến tâm trạng hồi sinh của Giôn-xi trong truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O. Hen-ri?

**Câu 5.**Đọc truyện “Chiếc lá cuối cùng” em rút ra được bài học sống nào? Hãy chia sẻ về một bài học mà em tâm đắc bằng 3-5 câu văn?

Hs nhận nhiệm vụ và làm việc cá nhân sau đó trao đổi nhóm 5 phút.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

Hs làm bài và trao đổi đáp án.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu các nhóm trả lời và bổ sung.

- Gv theo dõi đánh giá

Dự kiến đáp án:

**Câu 1**:Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2**:Xiu kể cho Giôn-xi về cái chết của cụ Bơ-men và sự thật của chiếc lá cuối cùng trên tường.

**Câu 3:**

Trợ từ: Chỉ

Thán từ: Ơi, ồ

Tác dụng:

- Chỉ: Nhấn mạnh sự việc cụ Bơ-men ốm và ra đi quá nhanh

- Ơi: Dùng để gọi

- Ồ: Dùng để bộc lộ cảm xúc xúc động, thán phục

**Câu 4:**

Nguyên nhân sâu xa tác động tới tâm trạng hồi sinh của Giôn-xi là:

- Hình ảnh chiếc lá thường xuân cuối cùng trên tường vẫn dũng cảm, gan góc, kiên cường chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, cố bám lấy cuống lá trong đêm mưa giông.

- Hình ảnh chiếc lá đó đã thức tỉnh, khơi gợi sự sống trong tâm trí cô, giúp cô cảm thấy ham sống, lạc quan

**Câu 5:**

- Bài học về tình yêu thương

- Bài học về sự đồng cảm, chia sẻ

- Bài học về đức hi sinh cao cả

- Bài học về sáng tạo nghệ thuật

- Bài học về nghị lực sống

- Bài học về niềm tin trong cuộc sống

**\* Viết về một bài học mà mình tâm đắc nhất**

Định hướng: Dạng nghị luận xã hội (Nêu tên bài học, vai trò ý nghĩa, bài học lời khuyên).

Gợi ý: Chọn bài học về tình yêu thương

**\* Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề:**

– Tình yêu thương có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống, trao đi yêu thương là một trong những lối sống đẹp nhất.

**\* Thân đoạn:**

- Giải thích: Tình yêu thương là tình cảm, thái độ yêu quý, quan tâm, thương cảm, lo lắng, chia sẻ, giúp đỡ nhau chân thành giữa con người với người

- Vai trò của tình yêu thương

+ Đây là tình cảm cao đẹp, quan trọng, cần có trong cốt cách của mỗi người.

+ Tình yêu thương giúp mỗi người bồi đắp nhiều phẩm chất đẹp khác, giúp hoàn thiện nhân cách..

+ Tình thương được coi là cơ sở, nền tảng để xây dựng nên hạnh phúc của con người.

+ Giúp cảm thấy cuộc đời ý nghĩa hơn, hạnh phúc hơn, tươi đẹp hơn

– Mở rộng: Phê phán:

=> Những người ích kỷ, vô cảm, cư xử tệ bạc với người thân, bạn bè, vô cảm..

– Lời khuyên:

* Hãy luôn yêu thương, quan tâm người khác bằng việc làm thiết thực, phù hợp.
* Quan tâm giúp đỡ tới những người có cảnh ngộ bất hạnh, khó khăn.

**\* Kết đoạn:**Khẳng định lại vấn đề

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét khuyến khích hs

**HOẠT ĐỘNG VỀ NHÀ**

**-** Làm bài tập các phần củng cố, mở rộng và thực hành đọc.

Gợi ý phần mở rộng:

Bài tập 1

HS vận dụng *Tri thức ngữ văn* và kết quả của phần *Đọc* để hoàn thành các cột trong bảng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VB**  **Đặc điểm** | *Mắt sói* | *Lặng lẽ Sa Pa* |
| Kiểu cốt truyện | Cốt truyện đa tuyến | Cốt truyện đơn tuyến |
| Nhân vật | Sói Lam, Phi châu, Ánh Vàng, lạc đà Hàng Xén, Báo,... | Anh thanh niên, bác lái xe, ông hoạ sĩ già, cô kĩ sư trẻ |
| Chủ để | * Niềm tin và sự đồng cảm của muôn loài trên thế giới * Ca ngợi tình anh em, tình bạn giữa con người và loài vật * Thể hiện nỗi lo âu, đau đớn trước hành động tàn phá thế giới tự nhiên của con người | Khẳng định, ca ngợi vẻ đẹp của người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng |

- Chuẩn bị đọc và trả lời câu hỏi sau khi đọc bài số 7.